

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỖ HỒNG QUÂN

Ý THỨC CỘNG ĐỒNG CỦA LAO ĐỘNG DI DÂN TẠI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ XÃ HỘI HỌC

Ngành: Xã hội học
Mã số: 9.31.03.01

Thành phố Hồ Chí Minh - năm 2024

Luận án được hoàn thành tại:

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS.TS. Trần Hữu Quang

Phản Biện Độc Lập 1:

Phản Biện Độc Lập 2:

Phản Biện 1:

Phản Biện 2:

Phản Biện 3:

Luận án được bảo vệ cấp đơn vị chuyên môn luận án tiến sĩ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc ngày tháng....năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Trường Đại học KHXX&NV TP. Hồ Chí Minh
- Thư viện Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
- Thư viện Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Đỗ Hồng Quân. 2019. *Khái niệm cộng đồng đô thị: Cấu trúc, mạng lưới và sự kiến tạo biểu tượng*. In trong Một số vấn đề Khoa học xã hội và nhân văn (Hội thảo khoa học Sau đại học năm 2019). Tp HCM: NXB Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 700-709, ISBN 978-604-73-7392-5
2. Đỗ Hồng Quân. 2020. Ý thức thuộc về và sự gắn kết xã hội đối với cộng đồng cư trú của lao động trẻ di dân tại Tp HCM hiện nay. *Tạp chí Khoa học Xã hội Tp HCM*. Số 11 (267), tr.1-15. ISSN: 1859-0136
3. Đỗ Hồng Quân. 2020. Ý thức thuộc về của lao động di dân: khái niệm, thang đo và xu hướng nghiên cứu. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Tp HCM*. 15 (5). Tr. 92-105. ISSN: 2734-9349 DOI: [10.46223/HCMCOUJS.soci.vi.15.1.599.2020](https://doi.org/10.46223/HCMCOUJS.soci.vi.15.1.599.2020)
4. Đỗ Hồng Quân. 2022. Những khuynh hướng lý thuyết nghiên cứu về ý thức cộng đồng tại đô thị. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Tp HCM*. 17(3). Tr. 177-186. ISSN: 2734-9349 DOI: [10.46223/HCMCOUJS.proc.vi.17.3.2508.2022](https://doi.org/10.46223/HCMCOUJS.proc.vi.17.3.2508.2022)
5. Đỗ Hồng Quân. 2024. Cấu trúc cộng đồng của lao động di dân tại Tp HCM hiện nay. *Tạp chí Khoa học xã hội Tp HCM*. Số 4 (310), 2024, tr. 24-38. ISSN: 1859-0136

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, hiện tượng di dân đã diễn ra theo xu hướng ngày càng tăng ở Việt Nam nói chung và Tp HCM nói riêng. Theo kết quả của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, dân số nước ta đã tăng 12,4% (từ năm 1999 đến 2009). Trong khi đó, số người di dân nội địa tăng hơn 50% chỉ trong vòng 5 năm (2004 - 2009). Như vậy, khoảng 7 triệu người đã di dân nội địa trong khoảng thời gian từ 2004 tới 2009, so với 4,5 triệu người trong giai đoạn 1994 tới 1999. Cũng theo kết quả điều tra trên, khoảng 80% số người di dân chọn các thành phố miền Nam là địa điểm đến và phần lớn nơi ra đi của họ là ở khu vực nông thôn (Tổng cục Thống kê, 2009).

Di dân đến Thành phố Hồ Chí Minh là một hiện tượng gắn chặt với sự phát triển của thành phố Hồ Chí Minh trong nhiều năm qua. Những số liệu trên đặt ra cho nhiều nhà nghiên cứu câu hỏi về mức độ cần thiết của việc nghiên cứu về lao động di dân. Trong số những yêu cầu đó, việc nghiên cứu về ý thức cộng đồng của lao động di dân được xem là trong những hướng tiếp cận mới về nhóm khách thể này hiện nay. Mặt khác, nghiên cứu cộng đồng đô thị cũng là một trong những hướng tiếp cận được quan tâm trên thế giới hiện nay. Nhiều công trình nghiên cứu đã chứng minh rằng mạng lưới xã hội, khả năng tiếp cận các dịch vụ phúc lợi (y tế, giáo dục...), sự hội nhập cũng như vốn xã hội đều là những tác nhân quan trọng mà một thành phố cần chú ý để có thể xây dựng nên ý thức cộng đồng của những nhóm xã hội khác nhau trong đô thị hiện đại (Boessen, Hipp, Smith, Butts và Almquist, 2014; Qingwen Xu, Douglas D. Perkins, Julian Chun và Chung Chow, 2010; Jorgensen, Jamieson và Martin, 2010).

Ngoài những vấn đề đã nêu ở trên, nghiên cứu sinh nhận thấy rằng còn nhiều khía cạnh khác của lao động di dân cần được nghiên cứu như: cấu trúc cộng đồng của lao động di dân như thế nào? Ý thức cộng đồng (bao gồm cả cộng đồng những người cùng xuất cư và cộng đồng địa phương nơi người lao động di dân hiện đang sinh sống) như thế nào? Những yếu tố ảnh hưởng đến ý thức cộng đồng của người lao động di dân? Những vấn đề nêu trên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng tại môi trường đô thị, nơi có xu hướng tiếp nhận đa dạng các dòng người di dân từ nhiều nơi khác nhau đến làm

việc và sinh sống. Từ những vấn đề trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài: *Ý thức cộng đồng của lao động di dân tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay* làm chủ đề cho luận án của mình

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1 Mục tiêu tổng quát: Luận án tìm hiểu về ý thức cộng đồng tại nơi cư trú của lao động di dân tại Tp HCM, phân tích về cấu trúc cộng đồng của lao động di dân trong bối cảnh đời sống đô thị cũng như tìm hiểu những yếu tố tác động đến ý thức cộng đồng tại nơi cư trú của người lao động di dân

2.2 Mục tiêu cụ thể:

- Tìm hiểu về cấu trúc cộng đồng của lao động di dân tại Tp HCM
- Nhận diện những chiều kích cấu thành nên ý thức cộng đồng tại nơi cư trú của người lao động di dân tại Tp HCM.
- Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến ý thức cộng đồng của người lao động di dân như: điều kiện gia đình và việc thụ hưởng phúc lợi xã hội, không gian chuyển tiếp đô thị và tiêu văn hoá đô thị tại Tp HCM

3. Khách thể, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu: lao động di dân tại Tp HCM

3.2 Đối tượng nghiên cứu: ý thức cộng đồng của lao động di dân tại Tp HCM hiện nay.

3.3 Phạm vi nghiên cứu:

- Không gian: nghiên cứu được thực hiện tại bốn địa bàn gồm: quận Bình Tân, quận 12, quận Bảy và Thành phố Thủ Đức
- Thời gian: nghiên cứu được thực hiện trong giai đoạn từ năm 2019-2020

4. Câu hỏi nghiên cứu

- Cấu trúc của cộng đồng lao động di dân hiện tại như thế nào?
- Những chiều kích nào cấu thành nên ý thức cộng đồng tại nơi cư trú của người lao động di dân tại Tp HCM?
- Những yếu tố nào ảnh hưởng đến ý thức cộng đồng của người lao động di dân? Có hay không sự tồn tại của một không gian chuyển tiếp (zone of transition) tại một số khu vực vùng ven đô thị đóng

vai trò giúp đỡ cho người lao động di dân thích ứng bước đầu trong môi trường đô thị? Những biểu hiện của tiểu văn hoá đô thị ảnh hưởng như thế nào đến ý thức cộng đồng của người lao động di dân?

5. Giả thuyết nghiên cứu

- Cấu trúc cộng đồng của lao động di dân là một cấu trúc tương đối mở, được xây dựng trên nền tảng nhiều mối quan hệ sơ cấp. Cấu trúc cộng đồng của lao động di dân được hình thành dựa trên những chiều kích về lãnh thổ, dựa trên tổ chức/nơi làm việc và cộng đồng tương tự.
- Có bốn chiều kích cấu thành nên ý thức cộng đồng của người lao động di dân phù hợp với khung lý thuyết của McMillan và Chavis (1986), David M. McMillan (2011) và Leonard A. Jason, Ed Stevens và Daphna Ram, (2015) đó là: tư cách thành viên và ý thức sở thuộc, (2) sự ảnh hưởng/tin cậy; (3) sự hội nhập và thỏa mãn các nhu cầu liên kết và sẻ chia; (4) sự kết nối tình cảm chung với nhau.
- Những dấu hiệu đặc trưng của đô thị thành phố Hồ Chí Minh như các tiểu văn hoá đô thị, cơ hội kinh tế chính là lý do khiến cho nhiều lao động di dân gia tăng ý thức cộng đồng về nơi cư trú, đồng thời cũng ảnh hưởng đến sự gắn bó với Tp HCM.
- Một số khu vực vùng ven đô của Tp HCM đang đóng vai trò như một bệ đỡ hay là không gian chuyển tiếp giúp cho người lao động di dân thích ứng bước đầu với môi trường đô thị.

6. Phương pháp nghiên cứu và địa bàn khảo sát

- 6.1. Phương pháp nghiên cứu:** Luận án sử dụng kết hợp cả hai phương pháp nghiên cứu là định tính và định lượng
- 6.2. Mẫu nghiên cứu và cách chọn mẫu:** tổng số lượng mẫu khảo sát định lượng là 340 lao động di dân và 20 cuộc phỏng vấn sâu cá nhân. Kỹ thuật chọn mẫu là mẫu theo hạn ngạch.
- 6.3. Địa bàn nghiên cứu:** có tổng cộng bốn địa bàn nghiên cứu tại bốn quận gồm: Phường Tân Tạo (quận Bình Tân), phường Thạnh Xuân (quận 12), phường Hiệp Bình Chánh (Tp Thủ Đức) và Phường Tân Thuận Đông (quận 7).

7. Khung phân tích: Luận án nghiên cứu này sử dụng hai mô hình lý thuyết của McMillan và Chavis (1986) và David M. McMillan (2011) về khái niệm ý thức cộng đồng.

8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

8.1 Ý nghĩa khoa học: Luận án này sẽ tập trung vào việc tìm hiểu về cấu trúc của cộng đồng và ý thức cộng đồng của người lao động di dân tại Tp HCM hiện nay. Mục đích của luận án là khám phá những chiều kích của ý thức cộng đồng cũng như những yếu tố tác động đến ý thức cộng đồng của lao động di dân tại Tp HCM hiện nay.

8.2 Ý nghĩa thực tiễn: luận án này cũng sẽ cung cấp bức tranh chung về ý thức cộng đồng của người lao động di dân, ý thức về sự thuộc về cũng như những yếu tố nào ảnh hưởng đến ý thức cộng đồng của người lao động di dân. Những vấn đề trên đều là những câu hỏi quan trọng cần được xem xét một cách thấu đáo trong bối cảnh thành phố đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ để trở thành một thành phố văn minh – hiện đại – nghĩa tình

9. Cấu trúc của luận án: luận án sẽ được triển khai thành năm chương gồm:

- Chương 1: Tổng quan về các công trình nghiên cứu về cộng đồng lao động di dân và ý thức về cộng đồng
- Chương 2: Lý thuyết tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và đặc điểm của mẫu khảo sát
- Chương 3: Các cấu trúc cộng đồng của lao động di dân
- Chương 4: Ý thức cộng đồng của lao động di dân tại Tp HCM hiện nay
- Chương 5: Những yếu tố ảnh hưởng đến ý thức cộng đồng của lao động di dân tại Tp HCM hiện nay.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1: Tổng quan các công trình nghiên cứu về cộng đồng và ý thức cộng đồng của lao động di dân

Trong chương này, nghiên cứu sinh sẽ trình bày tổng quan những công trình nghiên cứu về cộng đồng đô thị và ý thức cộng đồng của lao động di dân. Mục tiêu của chương sẽ là trình bày những xu hướng và các kết luận chính yếu của những tác giả trong và ngoài nước nhằm định hướng về cơ sở lý luận cho luận án

1.1 Tổng quan những công trình nghiên cứu về cộng đồng di dân và ý thức cộng đồng

1.1.1 Những công trình nghiên cứu về cộng đồng di dân

Thông qua quá trình tổng quan và nhận diện về các loại hình cộng đồng, nghiên cứu sinh nhận thấy một vài xu hướng quan tâm đến các cộng đồng này như: (1) hoàn cảnh sống, lý do chọn lựa sinh sống tại đô thị; (2) tâm thế chủ động của cộng đồng di dân, sự kiến tạo bản sắc, biểu tượng cộng đồng. Nhìn chung, hai xu hướng ở trên đã thể hiện sự đa dạng của cộng đồng di dân trong môi trường đô thị.

1.1.2 Những công trình nghiên cứu về ý thức cộng đồng

Qua tổng quan, sự đa dạng của khái niệm ý thức cộng đồng có liên đới mật thiết không chỉ đến cộng đồng di dân mà còn trải rộng ra nhiều lĩnh vực khác như: sự gắn kết, ý thức sự thuộc về, chất lượng sống, vốn và mạng lưới xã hội. Tóm lại, qua những nghiên cứu về ý thức cộng đồng di dân trong môi trường đô thị, nghiên cứu sinh nhận thấy sự xuất hiện của ba xu hướng chính yếu gồm: (1) ý thức cộng đồng và những ảnh hưởng đến vốn xã hội, mạng lưới xã hội; (2) ý thức cộng đồng và mối liên hệ với sự thuộc về (sense of belonging), sự hội nhập xã hội; và (3) ý thức cộng đồng và xu hướng nghiên cứu gắn với hạnh phúc cộng đồng, chất lượng sống.

1.2 Tổng quan về các xu hướng lý thuyết trong các công trình nghiên cứu về cộng đồng đô thị và ý thức cộng đồng của lao động di dân

Các hình thái của cộng đồng đô thị tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau và điều này là một thách thức không nhỏ với các nhà nghiên

cứu. Qua quá trình tổng quan tư liệu, chúng tôi nhận thấy một hiện tượng phổ biến, đó là: *đi cùng với sự đa dạng của cộng đồng đô thị là sự đa dạng trong các lối tiếp cận/lý thuyết nghiên cứu về cộng đồng* đi từ: lịch sử, văn hoá đô thị, kiến tạo luận cộng đồng đến tâm lý học cộng đồng... Sự đa dạng trong các lối tiếp cận có thể dẫn đến hai điều: (1) sự đa dạng của ý niệm về cộng đồng và ý thức cộng đồng đô thị; (2) sự đa dạng của các lối tiếp cận sẽ đem đến cả sự thuận lợi lẫn thách thức đối với nhà nghiên cứu trong việc mô tả đầy đủ các xu hướng này. Nhìn chung, qua tổng quan, nghiên cứu sinh nhận thấy xuất hiện ba xu hướng nổi bật trong các cách giải thích về ý thức cộng đồng đô thị, đó là: (1) trường phái Chicago nghiên cứu về cộng đồng đô thị; (2) trường phái Tân xã hội học đô thị; (3) lý thuyết về ý thức cộng đồng của Chavis và McMillan

1.3 Tổng quan về các phương pháp nghiên cứu trong các công trình nghiên cứu về cộng đồng đô thị và ý thức cộng đồng của lao động di dân

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng hầu như cả hai phương pháp nghiên cứu định lượng và phương pháp nghiên cứu định tính đều được sử dụng phổ biến trong các công trình nghiên cứu về ý thức cộng đồng. Luận án này cũng sẽ sử dụng cả hai phương pháp nghiên cứu này.

Chương 2. Lý thuyết tiếp cận, các khái niệm và đặc điểm của mẫu khảo sát

2.1 Những lý thuyết tiếp cận

2.1.1 Trường phái Tân xã hội học đô thị

Nghiên cứu về cộng đồng đô thị là một chủ đề được quan tâm xuyên suốt tại nhiều quốc gia. Tại Hoa Kỳ, trường phái Chicago thường được xem như là những người khai phá đầu tiên cho những phát hiện về đời sống đô thị. Với họ, cộng đồng đô thị được xem như một lãnh địa quan trọng mà nhà xã hội học phải hoà mình vào đấy, nhằm tìm kiếm những cơ chế vận động về đời sống hay trật tự đô thị.

Thay vì tập trung vào những quan điểm mang tính bi quan, phân tích về tình trạng rối loạn về mặt xã hội hay những trạng thái phi chuẩn mực tại đô thị, trường phái Tân xã hội học đô thị đã nhận thấy những điều dường như ngược lại. Ở đó, đời sống đô thị được đại diện bởi những trật tự của

riêng nó, dựa trên những mối quan hệ sơ cấp mạnh mẽ như: bạn bè, lối xóm, gia đình; những mối quan hệ xã hội chồng chéo dựa trên các nhóm đồng đẳng về nghề nghiệp, học vấn...; cấu trúc cộng đồng đô thị bị tác động bởi những yếu tố nhân khẩu-xã hội hơn là cấu trúc vật lý.

Trong phạm vi luận án nghiên cứu này, nghiên cứu sinh sẽ lựa chọn hai lý thuyết tiếp cận trong trường phái Tân xã hội học đô thị đó là: cách tiếp cận về tiểu văn hoá đô thị và cách tiếp cận về không gian xã hội (Socio-spatial)

2.1.1.1 Cách tiếp cận tiểu văn hoá đô thị (Subculture)

Được sử dụng đầu tiên bởi các nhà nhân chủng học, thuật ngữ tiểu văn hoá (subculture) đề cập đến những nền văn hoá nhỏ (văn hoá nhóm) nằm bên trong những nền văn hoá lớn/văn hoá bản địa. Nhìn chung, thuật ngữ này đề cập đến một loạt các giá trị, chuẩn mực... giúp định hình nên một nền văn hoá nhóm, như một giải pháp cho những vấn đề nảy sinh từ những khát vọng bị cản trở của các thành viên, hoặc từ địa vị xã hội thấp kém, bị gạt ra ngoài lề xã hội. Những tiểu văn hoá như vậy thường khác biệt với nền văn hoá chính thống, nhưng nó vay mượn (đôi khi bóp méo, thổi phồng hay làm ngược đi) những biểu tượng, giá trị, niềm tin của nền văn hoá đó.

Theo nghiên cứu sinh, phân tích về tiểu văn hoá đô thị đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc định hình những cấu trúc của các nền văn hoá nhỏ hơn. Việc áp dụng quan niệm tiểu văn hoá đô thị sẽ giúp giải thích được tiểu văn hoá đô thị của cộng đồng lao động di dân thông qua những biểu hiện như ngôn ngữ, ẩm thực hay các chuẩn mực xã hội theo từng nhóm văn hoá. Những điều trên sẽ giúp cho chúng ta hiểu biết thêm về “bức khảm” đô thị đa sắc màu, sinh động và ẩn chứa những điều đặc biệt đối với giới nghiên cứu khoa học xã hội.

2.1.1.2 Cách tiếp cận về không gian xã hội (Socio-spatial)

Cách tiếp cận về không gian xã hội (socio-spatial perspective) là một trong những hệ thống quan điểm chính yếu nằm trong trường phái Tân xã hội học đô thị. Xét về mặt lịch sử, mối quan hệ giữa không gian xã hội với nhận thức của con người về cộng đồng nơi con người sinh sống vẫn thường là một câu hỏi được quan tâm bởi các nhà xã hội học. Các chiều

kích được đề cập thường bao gồm: không gian vật lý, sự phân bố quần thể dân số, kinh tế... đã tác động đến môi trường sống của cộng đồng như thế nào.

Với nhiều nhà xã hội học, không gian đô thị còn đóng vai trò như là một *không gian chuyển tiếp đô thị* (Zones of transition). Kế thừa quan điểm của Burgess (1928), Anja Jørgensen, (2010) cho rằng khu vực chuyển tiếp được mô tả như là “cảng nhập cảnh ban đầu” (the port of first entry) dành cho các nhóm người nhập cư và nhóm chủng tộc, cũng như là nơi mà các thành viên mạnh mẽ nhất tìm cách thoát khỏi sau một thời gian sinh sống vì điều kiện nhà ở tồi tàn và nhiều vấn đề xã hội đi kèm. Nhìn chung, khu vực chuyển tiếp đô thị được đặc trưng bởi các mối quan hệ xã hội liên cá nhân, người di dân sử dụng các mạng lưới xã hội của mình để hình thành nên nguồn vốn xã hội theo cả hai hình thức: vốn xã hội liên kết và vốn xã hội bắc cầu. Đồng thời, trong giai đoạn đầu của quá trình di dân, đây là nơi đóng vai trò như một không gian giúp người di dân thích ứng với xã hội đô thị.

Nhìn chung, không gian đô thị còn đóng vai trò như một không gian cho sự chuyển tiếp, giúp cho những cộng đồng khác nhau hội nhập một cách đầy đủ vào xã hội đô thị. Lý thuyết không gian xã hội trở nên quan trọng trong bối cảnh mô hình đa trung tâm ngày càng được mở rộng dưới tác động của quá trình đô thị hoá vốn đang hiện diện phổ biến tại thành phố Hồ Chí Minh. Với việc sử dụng khái niệm không gian chuyển tiếp xã hội, nghiên cứu sinh sẽ chứng minh về vai trò của những khu vực vùng ven đô thị Tp HCM như là những “trạm”, “vùng đệm” giúp cho người lao động di dân hội nhập bước đầu vào trong đời sống đô thị tại Tp HCM.

2.1.2 Lý thuyết ý thức cộng đồng

Với những nhà tâm lý học xã hội, ý thức cộng đồng với tư cách như một đối tượng nghiên cứu đã được đề cập đến trong hơn 50 năm qua. Thực tế, những phân tích đầu tiên về cộng đồng đô thị không chỉ là mối quan tâm của các nhà xã hội học mà cả những nhà tâm lý học xã hội. Sở dĩ những công trình nghiên cứu về ý thức cộng đồng được chú ý nhiều hơn thì đó là bởi sự tác động của quá trình đô thị hoá với những biểu hiện như: sự thay đổi lối sống của người dân, di dân, sự mở rộng của không gian đô thị...

đã khiến cho câu hỏi về sự liên đới giữa con người với nhau, sự gắn bó đô thị trở nên cấp thiết. Nhìn chung, những xu hướng chủ đạo thường được các nhà nghiên cứu chú ý đó là: cộng đồng là gì trong tâm tưởng của cá nhân, những nhu cầu về sự thuộc về, sự gắn bó cộng đồng diễn ra như thế nào, mối quan hệ giữa ý thức cộng đồng với phúc lợi xã hội, nguồn vốn xã hội, mạng lưới...

Xét về mặt lịch sử, những công trình nghiên cứu đầu tiên về ý thức cộng đồng thường gắn với việc phân tích những khái niệm cộng đồng và những chỉ báo đo lường (Seymour Bernard Sarason, 1974; Kenneth Heller, 1989; McMillan và David Chavis, 1986; Sonn & Fisher, 2002). Theo đó, ý thức cộng đồng thường được xem như một sự gắn kết của một cá nhân nào đó với một thực thể (hữu hình hoặc mạng lưới), ý thức về tư cách thành viên, chia sẻ cảm xúc về sự kết nối, sự ảnh hưởng và sự thuộc về. Trong nhiều quan điểm về ý thức cộng đồng, những đề xuất của David M. McMillan và David Chavis (1986) và David M. McMillan (2011) thường được xem như là cơ sở lý luận cho nhiều công trình nghiên cứu. Nhìn chung, ý thức cộng đồng thường được phân loại với sự hiện diện của bốn chiều kích, đó là: (1) *tư cách thành viên* (membership); (2) *sự ảnh hưởng* (influence); (3) *sự hội nhập và sự thỏa mãn các nhu cầu* (integration and fulfillment of needs); (4) *sự kết nối tình cảm chung với nhau* (shared emotional connection).

2.2 **Định nghĩa các khái niệm**

2.2.1 *Cộng đồng*: Dựa vào cách phân loại của các tác giả như Anderson (2019), Paul James, Nadarajah, Yaso (2012) và Blackshaw (2010) trong phạm vi luận án này, cộng đồng là một khái niệm được hiểu bao gồm ba hình thái: Cộng đồng lãnh thổ (*Location-based Communities*), Cộng đồng dựa trên tổ chức (*Organizationally-based Communities*), Cộng đồng tưởng tượng (*Imagined community*).

2.2.2 Lao động di dân: lao động di dân/di cư được hiểu là những người lao động di chuyển từ những khu vực/vùng miền khác đến làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh vì mục đích lao động hay kinh tế, thời gian cư trú tại thành phố Hồ Chí Minh từ ba năm trở lên, không phân biệt tình trạng sở hữu nhà ở tại đô thị hay chưa. Lao động di

dân trong luận án này có thể là những nhóm lao động công nhân, lao động phổ thông, lao động có tay nghề, tầng lớp trí thức... với nhiều môi trường làm việc đa dạng tại đô thị

2.3 Những đặc điểm của mẫu khảo sát

Giới tính: Tại Tp HCM, kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh cho thấy rằng độ tuổi trung bình của người lao động là 27,11 tuổi. Độ tuổi thấp nhất là 17 và cao nhất là 43.

Học vấn và thu nhập: Kết quả khảo sát cho thấy rằng mức thu nhập trung bình của người lao động di dân là 6.536.764 đồng/tháng. Lao động nam giới có mức thu nhập trung bình cao hơn so với lao động nữ giới (nam giới khoảng 7.422.941 đồng/tháng còn nữ giới 5.605.588 đồng/tháng) ($F=82,950$, $t=4,942$, $\text{sig}=0,000$).

Loại hình doanh nghiệp và nghề nghiệp: Về mặt nghề nghiệp, kết quả khảo sát cho thấy rằng nhóm công việc chiếm tỷ lệ cao nhất là làm công nhân trong các khu công nghiệp/khu chế xuất (30,9%); nhóm thứ hai hiện đang làm nhân viên tại các công ty/doanh nghiệp (27,6%); thứ ba là nhóm lao động tự do (23,2%); lao động tiểu thủ công nghiệp (8,2%). Nhóm lao động trí óc và cán bộ quản lý có tỷ lệ tương đối thấp (hơn 6%). Kết quả khảo sát cho thấy rằng phần lớn (hơn 50%) người lao động di dân chủ yếu làm việc trong môi trường lao động công nghiệp với địa vị xã hội trung bình-thấp.

Tình trạng gia đình và tôn giáo: Về tình trạng hôn nhân, phần lớn người lao động trong mẫu khảo sát hiện đang độc thân (67,1%); Nơi ở hiện tại của người lao động chủ yếu là thuê nhà trọ (73,8%), có nhà riêng (17,6%), nhà ở do công ty làm cho người lao động thuê ở là 4,7%.

Chương 3: Các cấu trúc cộng đồng của lao động di dân tại Tp HCM hiện nay

Kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh về cấu trúc cộng đồng của lao động di dân hướng đến việc tìm hiểu về mối quan hệ, mạng lưới xã hội của họ thông qua các hình thức cộng đồng mà người lao động di dân tham gia trong quá trình di dân và sinh sống tại Tp HCM. Xét về mặt lý thuyết, dựa vào cách phân loại của Anderson (2019), Paul James, Nadarajah, Yaso (2012) và Blackshaw (2010) trong phạm vi luận án này, cộng đồng là một

khái niệm được hiểu bao gồm ba hình thái đó là: (1) cộng đồng dựa vào lãnh thổ; (2) cộng đồng dựa trên tổ chức và (3) cộng đồng tưởng tượng.

3.1 Cộng đồng lãnh thổ:

- *Cộng đồng làng quê:* Nhìn chung, ý thức về cộng đồng làng quê không chỉ đến từ bên trong tâm thức cá nhân của người lao động di dân mà còn đến từ nghĩa vụ của từng cá nhân người lao động đối với cộng đồng này như là một hình thức để duy trì tư cách thành viên và mối quan hệ. Phần lớn người lao động khi di dân đến các thành phố lớn hoàn toàn không cắt đứt mối quan hệ với cộng đồng làng quê. Ngược lại, mối quan hệ đoàn kết đó vẫn luôn được duy trì thông qua các hoạt động hỗ trợ về kinh tế, thực phẩm, nắm bắt tin tức hay thực hiện các nghĩa vụ đối với dòng họ
- *Gia đình và hệ thống thân tộc:* Trong cấu trúc cộng đồng, gia đình và hệ thống thân tộc chiếm giữ một vị trí quan trọng trong suy nghĩ và hành động hàng ngày của người lao động di dân. Quá trình di chuyển từ nông thôn vào đô thị không làm ngăn cách mối quan hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa cá nhân người lao động với gia đình và hệ thống thân tộc của họ mà ngược lại, hiện tượng gắn kết và giao tiếp vẫn diễn ra thường xuyên, đặc biệt là dưới sự hỗ trợ của công nghệ Internet.

3.2 Cộng đồng dựa trên tổ chức

Cộng đồng dựa trên tổ chức là một hình thức khác của cấu trúc cộng đồng thường được các nhà nghiên cứu quan tâm. Thông thường, hình thức cộng đồng này dựa chủ yếu trên những mối quan hệ giữa các cá nhân là thành viên của một tổ chức hoặc đơn vị (bao gồm cả chính thức và phi chính thức). Theo kết quả khảo sát, hình thức cộng đồng này đối với người lao động di dân thường được biểu hiện qua những mối quan hệ với bạn bè đồng nghiệp hoặc với những tổ chức/hội đoàn nơi người lao động sinh sống và làm việc.

Kết quả khảo sát cho thấy rằng những nhóm bạn bè đồng nghiệp làm chung và mối quan hệ với các tổ chức đoàn thể nơi sinh sống của người lao động đóng vai trò quan trọng trong đời sống của người lao động di dân. Nhiều người lao động tham gia vào các mạng lưới cộng đồng này để gia tăng các cơ hội và các nguồn vốn xã hội của mình nhằm củng cố cho vị trí

công việc đồng thời cũng để giảm thiểu những rủi ro trong cuộc sống đô thị. Với nhiều lao động di dân, đặc biệt với những lao động đã có gia đình và làm việc trong lĩnh vực phi chính thức, sự hỗ trợ về mặt kinh tế trở thành một chỗ dựa quan trọng trong bối cảnh suy giảm thu nhập và thất nghiệp.

3.3 Cộng đồng căn cước

Cộng đồng tưởng tượng là một khái niệm được Benedict Anderson (2006) sử dụng để mô tả các cộng đồng có quy mô lớn, trong đó các thành viên có thể không thể quen biết trực tiếp với nhau nhưng vẫn hình dung ra một sự kết nối và liên kết chung thông qua những những ký hiệu, biểu tượng hay chuẩn mực xã hội. Với những lao động di dân, những ý niệm về tình đồng hương, giúp đỡ nhau, người miền Trung hoặc người miền Tây... đều có thể kích thích những trí tưởng tượng chung về bản sắc. Ngoài ra, trong xã hội đô thị với sự tự do cá nhân được đề cao, gia tăng tính di động cá nhân, ý thức về căn cước... cũng tạo điều kiện để hình thành nên những cộng đồng cùng ý hướng phản ánh sự đa dạng về lối sống, văn hoá, thị hiếu... của nhiều nhóm lao động di dân.

Về mặt hình thức, những cộng đồng cùng căn cước của người lao động di dân được hình thành trên nền tảng những nhóm lao động có cùng chung bản sắc, cùng tôn giáo, cùng quê quán hoặc cùng tiểu văn hoá đô thị. Trong cấu trúc cộng đồng của lao động di dân, mạng lưới bạn bè đồng hương không chỉ là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định di dân của họ, mà còn là một nguồn lực quan trọng hỗ trợ cho họ trong bước đầu hội nhập tại đô thị.

Cộng đồng cùng ý hướng là một hình thức đặc biệt của cấu trúc cộng đồng. Khác với những xã hội truyền thống vốn thường đề cao những chuẩn mực tập thể và khép kín, xã hội hiện đại là nơi tập trung của nhiều nhóm xã hội khác nhau, đề cao sự tự do cá nhân và sự di động xã hội. Điều này dẫn đến kết quả là nhiều cá nhân được tự do thể hiện căn cước cá nhân và gia tăng các cơ hội tham gia hội nhóm. Lối sống cá nhân, thị hiếu và sở thích... được chấp nhận và khuyến khích đã dẫn đến sự hình thành của nhiều hội nhóm cộng đồng những người có cùng chung ý hướng.

Chương 4: Những chiều kích của ý thức cộng đồng tại nơi cư trú của lao động di dân

Ý thức cộng đồng là một chủ đề nghiên cứu thường được đề cập trong những công trình nghiên cứu về đời sống đô thị. Chủ đề này cũng thường gắn chặt với những xu hướng nghiên cứu về lao động di dân, sự đa dạng sắc tộc hay đa dạng văn hóa. Đã có nhiều công trình nghiên cứu chứng minh rằng sự đa dạng về dân tộc, nơi xuất cư ở những khu vực đô thị có thể ảnh hưởng đến các chỉ số về sự gắn kết xã hội, chẳng hạn như lòng tin tổng quát, sự tham gia xã hội và các giá trị công dân (Alesina và La Ferrara, 2000; Costa và Kahn 2003; Putnam, 2007; Stolle et al. 2008; Hou và Wu, 2011).

Để khảo sát bốn chiều kích này, nghiên cứu sinh đã đưa ra 18 chỉ báo dưới dạng những phát biểu và khảo sát mức độ đồng ý với những phát biểu đó theo thang đo Likert với thang năm điểm (đi từ mức độ hoàn toàn không đồng ý đến mức độ hoàn toàn đồng ý).

Kết quả phân tích nhân tố cho thấy rằng có *bốn nhân tố* đại diện cho ý thức cộng đồng của lao động di dân trong mẫu nghiên cứu (xem bảng 19). Mỗi một nhân tố là đại diện của nhiều chỉ báo có mối quan hệ tương quan với nhau theo kết quả đo lường của hệ số EFA. Dựa vào những đặc điểm của các nhân tố mới được hình thành cùng với những đặc điểm bên trong của các chiều kích, nghiên cứu sinh tiến hành đặt tên cho các nhân tố, cũng là đại diện cho các chiều kích về ý thức cộng đồng theo kết quả nghiên cứu của đề tài này. Những chiều kích bao gồm: (1) *tư cách thành viên và ý thức sở thuộc tại khu phố*; (2) *sự ảnh hưởng/tin cậy tại khu phố*; (3) *sự hội nhập và thoả mãn nhu cầu liên kết và sẻ chia*; (4) *sự bao dung trong khu phố*.

4.1 Chiều kích thứ nhất: *tư cách thành viên và ý thức sở thuộc tại khu phố*.

Trên thực tế, tư cách thành viên và ý thức sở thuộc tại khu phố đang sinh sống chịu sự tác động của những yếu tố về nhân khẩu-xã hội cũng như hoàn cảnh sống của người lao động di dân. Về mặt giới tính, giữa lao động nam và lao động nữ đã có những đánh giá khác nhau về tư cách thành viên và ý thức sở thuộc, theo đó, chiều kích này ở nam giới cao hơn so với nữ giới (sig=0,028, df=338). Mối quan hệ đồng biến được tìm thấy giữa biến độ tuổi với nhân tố về tư cách thành viên và ý thức sở thuộc. Điều này có nghĩa là những lao động có độ tuổi cao thì cũng sẽ có ý thức sở

thuộc và tư cách thành viên nhu cầu giao tiếp cao hơn so với những người trẻ tuổi. Ngoài ra, những lao động nào có thu nhập cao thì cũng có ý thức thuộc về khu phố cao hơn so với những lao động có thu nhập thấp.

Kết quả khảo sát về dự định sẽ sinh sống lâu dài tại Tp HCM phân theo quê quán cho thấy rằng có sự khác biệt giữa các vùng miền. Tuy nhiên, tỷ lệ lớn người lao động vẫn dự định tiếp tục gắn bó với Tp HCM. Đây cũng là một biểu hiện rõ hơn của ý thức gắn bó của người lao động.

4.2 Chiều kích thứ hai: *sự ảnh hưởng/tin cậy tại khu phố*

Kết quả khảo sát khi so sánh giữa các nhóm lao động cho thấy rằng chiều kích sự ảnh hưởng/tin cậy tại khu phố có mối tương quan đồng biến (ở mức độ nhẹ) với biến số thu nhập và không có tương quan với biến độ tuổi. Đồng thời, những lao động có gia đình và có con cũng đánh giá về cảm nhận gần gũi và gắn bó với khu phố cao hơn so với các nhóm còn lại. Ngoài ra, về mặt tôn giáo, những lao động theo tôn giáo Thiên Chúa Giáo và Phật giáo cũng đánh giá cao hơn về nhân tố này so với các nhóm tôn giáo còn lại. Đồng thời, những lao động có học vấn thấp và lao động phổ thông thường sẽ gắn bó và tin cậy với những người xung quanh nơi sinh sống cao hơn so với những nhóm lao động có học vấn cao, những người vốn có nhiều cơ hội mở rộng mối quan hệ xã hội ra bên ngoài cộng đồng nơi cư trú.

4.3 Chiều kích thứ ba: *sự hội nhập và thoả mãn nhu cầu liên kết và sẻ chia*

Kết quả khảo sát cho thấy nhiều lao động di dân lựa chọn sinh sống tại những nơi họ có sẵn mạng lưới cộng đồng và sự thân quen. Điều này giúp làm giảm đi những phí tổn của quá trình di dân do người lao động không cần phải sử dụng quá nhiều nguồn lực cá nhân để kết nối với người khác. Sự hội nhập xã hội lúc này diễn ra thông qua sự sẻ chia giữa những người lao động di dân với nhau về chỗ ở, thông tin, kinh tế... nhằm làm giảm đi những tác động của rủi ro và bất trắc trong xã hội đô thị.

Về mối quan hệ giữa chiều kích nhu cầu hội nhập và thoả mãn nhu cầu liên kết và sẻ chia tại khu phố với những biến số về thu nhập, độ tuổi và thời gian sinh sống tại khu phố cho thấy mối quan hệ đồng biến. Theo đó, những lao động di dân nào có mức thu nhập cao, thời gian sinh sống lâu thì cũng đánh giá cao về sự hội nhập và thoả mãn nhu cầu liên kết và sẻ chia tại khu phố.

Trong nghiên cứu về lao động di dân, sự thành công của nhiều người lao động có thể đến từ những người vốn ít có sự thân quen từ trước đó, điều mà Granovetter (1973) gọi là “sức mạnh của những mối liên kết yếu” hoặc như phân tích của Deleuze và F. Guattari thì bất kỳ một mối quan hệ xã hội nào cũng có thể giúp cho một người lao động di dân thành công, chứ không chỉ dựa trên những mối quan hệ xã hội thân thuộc hay đồng hương/cùng quê.

4.4 Chiều kích thứ tư: *sự bao dung trong khu phố*

Một trong những chiều kích của khái niệm ý thức cộng đồng được phát hiện thông qua kết quả khảo sát liên quan đến sự bao dung của khu phố. Xét về mặt thực tiễn, sự cởi mở xã hội có liên đới trực tiếp đến các khía cạnh văn hoá. Ở một số quốc gia, chính sách hỗn dung văn hoá thường được xem là một trong những điều kiện tiên quyết nhằm giúp những cộng đồng di dân hội nhập đầy đủ vào xã hội sở tại, cũng như những thảo luận chính sách về sự đa dạng văn hoá có ảnh hưởng tích cực đến sự gắn kết cộng đồng.

Kết quả phân tích hệ số tương quan Pearson cho thấy không có mối tương quan giữa nhân tố cảm nhận về sự bao dung của khu phố với các biến số thu nhập ($\text{sig}=0,415$), độ tuổi ($\text{sig}=0,241$) và thời gian sinh sống tại Tp HCM ($\text{sig}=0,824$). Nói cách khác, những người lao động ở các nhóm thu nhập khác nhau đánh giá giống nhau về sự cởi mở xã hội và bao dung của khu phố, ở các nhóm độ tuổi khác nhau và thời gian sinh sống tại thành phố cũng vậy.

Tuy nhiên, khi so sánh về giữa biến số trình độ học vấn với nhận định về sự phân biệt đối xử, chúng ta thấy có sự khác nhau giữa các cấp trình độ học vấn ($\text{sig}=0,000$), xu hướng có vẻ như những người lao động có học vấn thấp có nhiều trải nghiệm về việc bị phân biệt đối xử nhiều hơn so với những lao động có trình độ học vấn ở cấp Cao đẳng/Đại học.

Thực tế, với các trung tâm đô thị, di dân và tích tụ dân cư trong nhất thời luôn dẫn đến nhiều hiện tượng xã hội như sự xung đột hay kỳ thị xã hội. Tuy nhiên, về lâu dài thì các cộng đồng lao động di dân đã bắt đầu hình thành những ý thức rõ nét hơn về địa vị cá nhân, mức độ tin cậy lẫn nhau gia tăng cùng với những xu hướng mở về kinh tế-văn hoá đã giúp hình thành nên những cộng đồng lao động di dân hết sức đa dạng và năng

động. Những điều kiện thuận lợi này đã giúp hình thành nên những tiểu văn hoá (subculture) đô thị cùng tồn tại trong môi trường đô thị

Chương 5: Những yếu tố ảnh hưởng đến ý thức cộng đồng của lao động di dân

Ý thức cộng đồng của lao động di dân là một nhân tố chịu sự chi phối bởi nhận thức chủ quan của người lao động lẫn những nhân tố khách quan từ môi trường xã hội. Trong chương này, nghiên cứu sinh sẽ tìm hiểu về các yếu tố liên quan đến đặc điểm của gia đình và việc thụ hưởng phúc lợi xã hội, các yếu tố liên quan đến cơ may kinh tế, yếu tố liên quan đến các nhóm tiểu văn hoá đô thị cũng như không gian của sự chuyển tiếp đô thị.

5.1 Tình trạng gia đình và việc thụ hưởng phúc lợi xã hội

Thông thường, phần lớn lao động di dân nông thôn-đô thị chủ yếu vì mục đích kinh tế. Kết quả khảo sát về hoàn cảnh gia đình cho thấy tỷ lệ lao động còn độc thân (67,1%), đã lập gia đình chiếm tỷ lệ khoảng 1/3 (30,3%) trong mẫu khảo sát.

Với nhận định rằng “trẻ em được quan tâm và chăm sóc sức khoẻ tốt tại Tp HCM”, kết quả khảo sát cho thấy mức độ đồng ý với nhận định này chỉ chiếm khoảng 35,6% và có đến 42,9% là không đồng ý. Với nhận định thứ hai là “ Tp HCM là nơi con cái có cơ hội học tập”, tỷ lệ đồng ý với nhận định này có xu hướng cao hơn. Cụ thể, có đến 58,8% người lao động đồng ý với nhận định này trong khi chỉ có 5,6% người lao động không đồng ý, tỷ lệ người lao động thể hiện thái độ trung lập trong câu hỏi này là 35,6%. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng phần lớn người lao động di dân hài lòng với việc chăm sóc sức khoẻ của người dân. Trong khi đó, tỷ lệ hài lòng với trường lớp học tập của trẻ em có xu hướng thấp hơn.

Xét về mặt giáo dục, nhiều người lao động đánh giá cao về cơ hội học tập của con cái tại Tp HCM do đây là nơi tập trung nhiều trường và hệ thống giáo dục chất lượng cao (so với quê hương của họ). Tuy nhiên, đến câu hỏi liên quan trực tiếp đến trường lớp đi học của con cái thì tỷ lệ người lao động không hài lòng có xu hướng tăng lên. Điều này cho thấy những áp lực về trường lớp dành cho trẻ em cũng như cơ hội tiếp cận của những gia đình lao động di dân có con trong độ tuổi đi học là tương đối hạn chế.

Ở một mức độ nào đó, việc thụ hưởng các chính sách liên quan đến phúc lợi như y tế, việc làm hay giáo dục cho con cái có những tác động tích cực đến ý thức cộng đồng của người lao động di dân. Tuy nhiên, ý thức gắn kết cộng đồng ở đây thường chỉ gói gọn trong những cộng đồng nhỏ, tương tác trực tiếp. Nghiên cứu sinh cho rằng trong bối cảnh mà thành phố đang ra sức kêu gọi việc xây dựng một thành phố theo mô hình thành phố văn minh-hiện đại-nghĩa tình, các chính sách phúc lợi dành cho người lao động di dân là điều cần phải được ưu tiên vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nguồn lao động và tình trạng biến động dân cư.

5.2 Không gian chuyển tiếp đô thị

Không gian của sự chuyển tiếp (zone of transition) là một khái niệm dùng để mô tả về những khu vực mà người lao động di dân lựa chọn nơi sinh sống trong những giai đoạn khác nhau của quá trình di dân vào Tp HCM. Kết quả khảo sát trong luận án cho thấy rằng trung bình mỗi một lao động di dân di chuyển chỗ ở trung bình khoảng 3,32 lần. Mức độ di chuyển từ 3-4 lần chiếm tỷ lệ nhiều nhất với 53,5%; mức di chuyển chỗ ở từ 1-2 lần chiếm tỷ lệ 28,2% và thấp nhất là mức độ từ 5-8 lần khoảng 18,2%. Ngoài ra, không có sự khác nhau về mức độ di chuyển chỗ ở giữa nam giới và nữ giới.

Kết quả so sánh theo bốn địa bàn khảo sát cho thấy rằng: những lao động ở quận Bảy và quận Thủ Đức có số lần di chuyển chỗ ở nhiều nhất (tỷ lệ phần trăm lớn nhất nằm ở mức độ từ 5-8 lần). Những lao động cư trú ở địa bàn quận 12 có số lần di chuyển chỗ ở từ 3-4 lần chiếm tỷ lệ nhiều nhất (83,5%), quận Bình Tân có số lượng lao động di chuyển chỗ ở nằm ở mức 3-4 lần và 1-2 lần có tỷ lệ gần bằng nhau. Về mặt thu nhập, những lao động có mức thu nhập thấp dường như có mức độ di chuyển nơi cư trú nhiều hơn so với những lao động có thu nhập cao

5.2.1 Không gian của sự chuyển tiếp đô thị: việc làm và cơ hội nghề nghiệp

Có thể thấy rằng trong tất cả những tình huống liên quan đến những lý do khiến cho người lao động lựa chọn đến sinh sống ở một khu vực nào đó tại Tp HCM thì những nguyên nhân xuất phát từ yếu tố kinh tế và việc làm thường chiếm tỷ lệ lớn. Thông thường, những động lực khiến cho người lao động quyết định di chuyển đến làm việc tại khu vực đô thị thường xuất phát

từ mục tiêu tìm kiếm việc làm và cải thiện kinh tế gia đình. Kết quả phân tích nhân khẩu-xã hội của người lao động trong luận án này cho thấy rằng trình độ học vấn của người lao động di dân chủ yếu nằm ở nhóm học vấn cấp hai hoặc cấp ba. Về mặt nghề nghiệp, phần lớn người lao động đều nằm ở nhóm lao động phổ thông. Điều này, cũng phù hợp với nhu cầu về nguồn nhân lực của những khu vực vùng ngoại ô của Tp HCM như: quận Bình Tân, Quận 12 hay thành phố Thủ Đức vì phần lớn những khu công nghiệp, nhà máy của thành phố đều đặt ở đây.

5.2.2 Không gian của sự chuyển tiếp đô thị: mức sống và các dịch vụ xã hội

Qua khảo sát, có thể thấy rằng không gian chuyển tiếp đô thị không chỉ đơn thuần là một phần của cấu trúc đô thị, mà còn là một yếu tố then chốt trong việc hỗ trợ người lao động di dân. Các quận vùng ven đô thị, không chỉ cung cấp một nơi làm việc và sinh hoạt tạm thời mà còn tạo điều kiện cho sự tương tác xã hội, góp phần vào quá trình hội nhập văn hóa và tăng cường ý thức cộng đồng. Đầu tiên, về mặt địa lý, những khu vực này thường gần các trung tâm công nghiệp và thương mại, giúp người lao động tiết kiệm thời gian và chi phí di chuyển đến nơi làm việc. Thêm vào đó, mức giá thuê nhà và chi phí sống tại đây thường thấp hơn so với trung tâm thành phố, phù hợp với tình hình tài chính của họ. Không gian chuyển tiếp còn cung cấp một môi trường xã hội đa dạng, nơi mà người lao động di dân có thể dễ dàng tìm thấy cộng đồng những người cùng quê quán và hoặc văn hóa, từ đó giúp họ cảm thấy gần gũi và dễ dàng hòa nhập hơn. Từ đó, gia tăng thêm ý thức về cộng đồng lãnh thổ và cộng đồng cùng căn cước của người lao động di dân.

5.3 Tiêu văn hoá đô thị

Là một siêu đô thị, Tp HCM là một không gian dung chứa cho sự đa dạng văn hoá giữa các nhóm xã hội. Hiện tượng này bắt nguồn từ những điều kiện phát triển kinh tế-xã hội tại nơi đây đã thu hút một lượng lớn lao động di dân từ những nơi khác đến sinh sống và làm việc. Quá trình cộng cư đã giúp gắn kết những thân phận khác nhau từ các nơi đổ về đây và giúp hình thành nên những nhóm lao động di dân dựa trên vùng miền, nghề nghiệp, sở thích hay lối sống. Tiêu văn hoá đô thị trong luận án này được

biểu hiện qua các yếu tố bao gồm: phương ngữ, âm thực và những lễ hội tại Tp HCM.

Phương ngữ của người lao động di dân: những cơ sở của sự kết nối

Kết quả khảo sát cho thấy rằng những gia đình di dân lựa chọn gắn bó với Tp HCM thường sẽ đối mặt với những vấn đề liên quan đến việc duy trì những chuẩn mực văn hoá vùng miền tại đô thị. Kết quả khảo sát định lượng về nhận định: *giọng nói, ứng xử của người cùng quê hương là điều thiêng liêng đối với tôi* cho thấy rằng tỷ lệ đồng ý của người lao động là tương đối lớn. Ý thức về tầm quan trọng của giọng nói và việc gìn giữ tiếng nói địa phương của người lao động là khác nhau phân theo tình trạng hôn nhân. Kết quả phân tích cho thấy rằng những gia đình đã lập gia đình đánh giá cao nhất về việc giữ gìn giọng nói của quê hương nơi xuất cư (điểm trung bình là 3,90); tiếp đến là những lao động di dân đã lập gia đình và có con (điểm trung bình là 3,39); lao động còn độc thân là 3,29.

Không chỉ là người thực hành phương ngữ, nhiều người lao động di dân còn hướng đến việc duy trì những âm điệu/giọng nói đặc trưng của quê quán của mình thông qua việc xã hội hoá cho con cái của họ. Tóm lại, việc tự do trình bày bản sắc văn hoá vùng miền là điều tương đối dễ dàng trong các nhóm cộng đồng lao động di dân. Đồng thời, việc những gia đình di dân thường có mong muốn mạnh mẽ trong việc dạy dỗ con cái của họ những ngôn ngữ mà Park và Sarkar (2007) gọi là ngôn ngữ di sản (heritage language) khi họ di dân đến những thành phố lớn nhằm duy trì bản sắc văn hoá, sự hỗ trợ hay thuộc về cộng đồng.

Âm thực: lan toả hương vị của quê hương nơi phố phường

Bên cạnh phương ngữ, âm thực là một trong những chiều kích quan trọng cấu thành nên tiểu văn hoá đô thị của cộng đồng lao động di dân. Có lẽ, trong tiềm thức của rất nhiều người di dân, âm thực là một trong những thứ khiến cho họ lưu luyến nhất vì nó hầu như tác động đến tất cả các giác quan của con người.

Kết quả khảo sát định lượng của nghiên cứu sinh đối với nhận định rằng: *Những đặc sản của quê nhà đều có mặt tại Tp HCM* cho thấy rằng phần lớn người lao động đồng ý với nhận định này (45,3% hoàn toàn đồng

ý và 20,3% hơi đồng ý); tỷ lệ không đồng ý với nhận định này là khá thấp (0,9% hoàn toàn không đồng ý và 1,8% hơi không đồng ý). Ngoài ra, với nhận định rằng: *Tôi dễ dàng tìm kiếm những món ăn ở quê nhà tại Tp HCM*, kết quả khảo sát cũng cho thấy rằng tỷ lệ người lao động đồng ý với nhận định này là cao (47,4% hơi đồng ý và 35,9% hoàn toàn đồng ý). Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy sự hiện diện của yếu tố ẩm thực của các miền quê tại Tp HCM cũng như việc nhiều người lao động có thể dễ dàng tiếp cận đối với ẩm thực địa phương đã làm phong phú thêm cho đời sống của người lao động và gắn kết họ đối với ý thức về cộng đồng làng quê lẫn cộng đồng cư trú tại nơi sinh sống.

Yếu tố tiểu văn hoá đô thị đóng vai trò quan trọng trong đời sống của cộng đồng lao động di dân. Nhờ những biểu hiện của tiểu văn hoá đô thị thông qua phương ngữ và ẩm thực, những người lao động di dân lựa chọn gắn kết với cộng đồng khu phố xung quanh cũng như cộng đồng căn cước. Tại Tp HCM, những biểu hiện của tiểu văn hoá theo vùng miền không bị mất đi trong quá trình đô thị hoá mà đang có xu hướng củng cố và bảo vệ thông qua những nhóm hội đồng hương, hội nghề nghiệp... Để duy trì mối quan hệ gắn kết giữa quê hương gốc với Tp HCM, những người lao động di dân lựa chọn duy trì nền văn hoá ẩm thực, phương ngữ, tái hiện lại những lễ hội hoặc những biểu tượng ký ức của quê hương nhằm duy trì sự tiếp nối về căn cước cũng như nhằm phục vụ cho mục tiêu hội nhập với xã hội đô thị. Điều này càng trở nên quan trọng đối với những cộng đồng cùng căn cước vì nó giúp cho sự khẳng định lại về những giá trị xã hội như sự tương trợ xã hội hoặc sự hội nhập văn hoá. Xa hơn, những điều này cũng giúp cho nhiều lao động gia tăng ý thức sở thuộc (belonging) không chỉ trong nội bộ những cộng đồng căn cước mà còn trong những cộng đồng theo lãnh thổ hoặc cộng đồng cùng chung tổ chức.

PHẦN KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

3.1 Kết luận và kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Nhìn chung, xu hướng trở thành một thành phố đáng sống đã thực sự hiện diện như một định hướng phát triển cho nhiều đô thị trên thế giới. Tại Việt Nam, với vai trò là một trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, Tp.HCM cũng định hướng trở thành một thành phố theo hướng Văn minh-Hiện đại-Nghĩa tình và điều này đã trở thành một diễn ngôn xuyên suốt trong các văn bản chính thức của thành phố. Trong đó, cạnh tranh (competitiveness) và môi trường sống tốt/đáng sống (livability) là hai tiêu chí phổ quát và cơ bản nhất. Muốn đạt được hai yếu tố này, sự tham gia của người dân, tôn trọng sự đa dạng, thừa nhận sự đóng góp của những nhóm cộng đồng khác nhau tại đô thị trở thành những chiều kích quan trọng.

Về mặt đặc điểm nhân khẩu-xã hội, kết quả nghiên cứu trong luận án cho thấy rằng phần lớn những người lao động di dân đến Tp HCM đều có tuổi đời tương đối trẻ (trung bình là 27,11 tuổi). Về mặt giới tính, lao động nữ có xu hướng di dân cùng với những người thân trong gia đình, họ hàng... còn lao động nam lại có xu hướng đi cùng với bạn bè... đi đến Tp HCM. Thu nhập trung bình của người lao động khoảng 6,5 triệu đồng/tháng và thu nhập của lao động nam cao hơn so với lao động nữ. Về mặt nghề nghiệp, phần lớn người lao động di dân hiện đang làm công nhân tại các khu công nghiệp, làm nhân viên tại các công ty/doanh nghiệp, lao động tự do (chiếm tỷ lệ hơn 50%). Đồng thời, giống như những trung tâm đô thị khác, Tp HCM chủ yếu là nơi thu hút người lao động đến sinh sống và làm việc vì mục tiêu kinh tế và thu nhập. Điều này giống với kết quả mà nhiều công trình nghiên cứu về lao động di dân đã từng chứng minh trước đây.

Kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy rằng cấu trúc cộng đồng của lao động di dân là một cấu trúc tương đối mở, được xây dựng dựa trên nhiều mối quan hệ sơ cấp mạnh mẽ dựa trên bạn bè, lối xóm, gia đình; những mối quan hệ xã hội chông chéo dựa trên các nhóm đồng đẳng về nghề nghiệp, học vấn... Cụ thể hơn, luận án đã nhận diện được cấu trúc cộng đồng của người lao động di dân có sự đan xen chặt chẽ giữa ba loại hình cộng đồng gồm: (1) cộng đồng lãnh thổ, (2) cộng đồng dựa trên tổ chức và (3) cộng đồng tương tượng.

Dựa trên khung lý thuyết của McMillan và Chavis (1986), David M. McMillan (2011) và Leonard A. Jason, Ed Stevens và Daphna Ram, (2015), luận án đã nhận diện được bốn chiều kích cấu thành nên ý thức cộng đồng của người lao động di dân tại Tp HCM gồm: (1) tư cách thành viên và ý thức sở thuộc vào khu phố; (2) sự ảnh hưởng/tin cậy tại khu phố; (3) sự hội nhập và thoả mãn nhu cầu liên kết và sẻ chia tại khu phố và (4) sự bao dung của khu phố. Trong đó, chiều kích thứ tư (sự bao dung của khu phố) có sự khác biệt so với khung lý thuyết đã được chứng minh bởi nhóm tác giả: McMillan và Chavis (1986), David M. McMillan (2011) và Leonard A. Jason, Ed Stevens và Daphna Ram, (2015). Đây cũng là chiều kích mà luận án đã nhận diện ra trong bối cảnh nghiên cứu thực tế tại Tp HCM.

Mạng lưới xã hội đồng hương, thân tộc đóng vai trò quan trọng đối với người lao động di dân trong giai đoạn đầu của quá trình di dân đến đô thị. Tuy nhiên, nhiều lao động di dân thành công tại đô thị thường dựa vào những mạng lưới xã hội mở rộng theo hướng “bắc cầu” ra khỏi hệ thống mối quan hệ đồng hương/thân tộc. Điều này giống như những phát hiện của Deleuze và F. Guattari (1980) về khái niệm *rhizome* (thân rễ) vốn được sử dụng để giải thích cho sự thành công của nhiều người lao động có thể đến từ những người vốn ít có sự thân quen từ trước đó, điều mà Granovetter (1973) gọi là “sức mạnh của những mối liên kết yếu”.

Thực tế, Tp HCM là nơi thu hút nhiều người lao động đến sinh sống và làm việc không chỉ vì cơ hội việc làm, thu nhập mà còn bởi những dịch vụ xã hội đi kèm như chất lượng giáo dục, chăm sóc y tế. Những quận khu vực vùng ven đô thị hiện đang đóng vai trò như một khu vực chuyển tiếp đô thị nơi nó cung cấp cho nhiều người lao động di dân những dịch vụ xã hội dành cho những nhóm lao động vốn đa dạng về mặt nhân khẩu-xã hội hoặc phương thức sinh kế. Ngoài sự phù hợp về mặt chi phí sinh hoạt và cơ hội việc làm, những khu vực vùng ven đô còn là một không gian xã hội có chức năng giúp cho nhiều người lao động di dân thích ứng và chuyển tiếp về mặt lối sống giữa hai khu vực nông thôn-đô thị.

Ý thức cộng đồng của người lao động di dân được định hình và duy trì tại Tp HCM nhờ có sự hiện diện của những tiểu văn hoá đô thị. Với đặc điểm là một thành phố năng động và cởi mở, Tp HCM chấp nhận và dung hoà nhiều nhóm văn hoá khác nhau. Tính hỗn dung văn hoá giúp cho những tiểu văn hoá đô thị của những cộng đồng di dân được duy trì và phát triển. Trong luận án này, những biểu hiện của tiểu văn hoá đô thị được thể

hiện qua những chiều kích như: văn hoá ẩm thực, duy trì những biểu tượng văn hoá và thực hành phương ngữ đã giúp cho nhiều người lao động gắn kết và hội nhập đầy đủ hơn vào trong xã hội đô thị.

3.2 Một số khuyến nghị

Cần thừa nhận các nhóm cộng đồng khác nhau cùng với các chính sách hỗ trợ cần thiết cho những nhóm lao động này sẽ là một nguồn lực quan trọng giúp cho quá trình gắn bó với đô thị Tp HCM ngày càng bền chặt hơn.

Cấu trúc cộng đồng của người lao động di dân được hình thành từ nhiều mối quan hệ đan xen và chằng chéo lên nhau. Do đó, các nhà nghiên cứu về cộng đồng đô thị cần xem xét đến sự đa dạng, đa nghĩa và biến đổi không ngừng của khái niệm này. Đồng thời, những nhà hoạch định chính sách cũng cần chú ý đến những biểu hiện thực tế của cấu trúc cộng đồng của từng nhóm lao động di dân trước mỗi quyết định về mặt chính sách.

Đối với Ủy ban nhân dân Tp HCM: cần tiếp tục khẳng định chính sách phát triển Tp HCM theo hướng Văn minh-Hiện đại-Nghĩa tình vì đây là một chính sách hoàn toàn đúng đắn không những về mặt kinh tế mà còn có ý nghĩa về mặt xã hội. Cần tôn trọng và bảo vệ những giá trị hiện có trong đời sống đô thị tại Tp HCM như: sự đa dạng của các nhóm tiểu văn hoá đô thị, tính hỗn dung văn hoá và đa dạng các loại hình dịch vụ xã hội dành cho nhiều nhóm lao động khác nhau như là một giải pháp thu hút và giữ chân người lao động ở lại và lựa chọn gắn bó lâu dài với thành phố.

Đối với Sở Quy hoạch-kiến trúc tp HCM: cần chú ý đến những biểu hiện thực tế của cấu trúc cộng đồng của từng nhóm lao động di dân trước mỗi quyết định về mặt chính sách. Tổ chức các buổi tham vấn cộng đồng để thu thập ý kiến đóng góp của người dân vào các dự án quy hoạch.

Đối với Sở Văn hoá và Thể thao: Phát triển các sự kiện văn hóa cộng đồng thông qua việc tổ chức các lễ hội, sự kiện văn hóa, thể thao để tăng cường gắn kết cộng đồng. Khuyến khích các hoạt động nghệ thuật công cộng như hỗ trợ các dự án nghệ thuật công cộng, từ đó tạo ra các không gian giao lưu và gắn kết cho những nhóm cư dân

3.3 Những gợi ý về hướng nghiên cứu mới trong tương lai

- Cần tiếp tục phân tích về những chiều kích của khái niệm cộng đồng vì tính đa nghĩa của khái niệm này. Đặc biệt, các nhà nghiên cứu có thể xem xét đến sự thay đổi của khái niệm này dưới tác động của công nghệ Internet hay mạng xã hội.
- Các nhà nghiên cứu cần chú ý đến chiều kích lịch đại khi phân tích về ý thức cộng đồng của lao động di dân. Đồng thời, cũng cần mở rộng phân tích về ý thức cộng đồng ở tất cả các dạng thức cộng đồng tại đô thị.
- Nghiên cứu cách thức mà mạng xã hội ảnh hưởng đến ý thức cộng đồng, bao gồm cả các tác động tích cực và tiêu cực. Hay cần khảo sát vai trò của các ứng dụng và nền tảng giao tiếp trực tuyến trong việc tăng cường hoặc làm suy yếu ý thức cộng đồng.
- Nghiên cứu tác động của các chính sách xã hội đến sự phát triển ý thức cộng đồng, bao gồm cả: chính sách về nhà ở, giao thông, y tế và giáo dục. Đồng thời, cũng có thể nghiên cứu đánh giá tính hiệu quả của các mô hình quản lý cộng đồng khác nhau trong việc thúc đẩy sự tham gia và gắn kết của người dân.
- Cuối cùng, các nhà nghiên cứu cũng nên dành thời gian để phân tích ý thức thuộc về (sense of belonging) của các nhóm cư dân đối với một cộng đồng cụ thể, hoặc ảnh hưởng của ý thức thuộc về đến sự gắn kết/cố kết xã hội. Đồng thời, có thể khảo sát những chiều kích của ý thức cộng đồng trong các hình thái cộng đồng khác như cộng đồng tưởng tượng hay cộng đồng dựa trên tổ chức hoặc so sánh giữa các hình thái cộng đồng này